



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...07-7-1.../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi 10 giờ 00, ngày 07 tháng 07 năm 2023.

Tại: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

Địa chỉ: Số 19 Trần Quang Khải, Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Địa điểm quan trắc: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương - km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.

Ông (Bà): Nguyễn Thị Minh Bình Chức vụ: BS CKI

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Nguyễn Văn Huy Chức vụ: Đại biểu

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần Đầu tư CM

Ông (Bà): Vũ Trọng Đại Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Thời tiết không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	B1-B2	Mẫu bùn thải tại hệ thống xử lý nước thải	
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lắp. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

Quang Dũng

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1532 - 6012 / KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở
Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, P. Hùng Vương, Q. Hồng
Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Bùn thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : BT.230707.01
Ngày lấy mẫu : 07/07/2023 Thời gian phân tích: 07/07/2023-27/07/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 50:2013/BTNMT (H _{tc} , T=0,712)
				BT-PS	
1.	pH	-	US EPA Method 9040.C + US EPA Method 9045.D	6,0	$pH \geq 12,5$ hoặc $pH \leq 2,0$
2.	Tổng Xyanua (CN ⁻)	mg/Kg	US.EPA Method 9013.A + US.EPA Method 9010.C + US.EPA Method 9014	KPH (MDL=0,3)	428,576
3.	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/Kg	US.EPA Method 3060.A + US.EPA Method 7196.A	KPH (MDL=2,5)	72,64
4.	Kẽm (Zn)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7000.B	15,7	3.632
5.	Niken (Ni)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7000.B	12,1	1.016,96
6.	Chì (Pb)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	13,8	217,92
7.	Cadimi (Cd)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	2,5	7,264
8.	Coban (Co)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	0,5	1.162,24
9.	Asen (As)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7062	3,1	29,056
10.	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7471.B	0,9	2,9056
11.	Selen (Se)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7062	7,3	14,528
12.	Tổng dầu, mỡ*	mg/Kg	US EPA Method 9071B	39,28	726,4
13.	Phenol*	mg/Kg	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041	<0,005	14,528
14.	Benzen*	mg/Kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D	<0,001	7.264
15.	Ba*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	9,99	114,0448
16.	Ag*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	0,25	5,70224

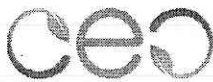
- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
BT-PS	Mẫu bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	2308633	0592671

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 50:2013/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải

H_{tc}: Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối: ngưỡng nguy hại của bùn thải tính theo hàm lượng tuyệt đối:

$$H_{tc} \text{ (ppm)} = H.(1+19.T)/20$$

+ H (ppm) là giá trị Hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong Bảng 1 của Quy chuẩn.

+ T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu (T=0,712).

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường – Vimcerts 079.

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Danh

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04177/2023/PKQ (1885.02S2307.85)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : **CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC**
Địa chỉ : LB06 đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm,
thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Bùn thải
Tình trạng mẫu : Nguyên khai
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 10/07/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/07/2023 - 27/07/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				02S2307.85
1.	Bari (Ba)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	9,99
2.	Bạc (Ag)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	0,25
3.	Tổng Dầu	mg/kg	US EPA Method 9071B	39,28
4.	Phenol	mg/kg	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041	<0,005
5.	Benzen	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D	<0,001

Ghi chú:

- 02S2307.85: BT.230707.01
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH
ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG

QA/QC

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phó

Nguyễn Thị Hường



Nguyễn Trần Điện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 06.7.6...../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30, ngày 06 tháng 07 năm 2023.

Tại: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Địa chỉ: Số 19 Đường Quang Khôi, Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hưng Quảng - Km 40 đường Hưng Quảng, Phường Hưng Quảng, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Ông (Bà): Nguyễn Thị Minh Bình Chức vụ: BS CKI

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Nguyễn Văn Huy Chức vụ: Đội trưởng

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần Đầu tư CM

Ông (Bà): Vũ Trọng Đại Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Tốt không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	BT-PS2	Mẫu bùn thải tại hệ thống xử lý nước thải	
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

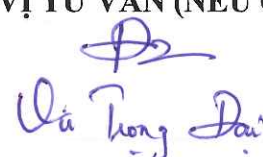
**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**

**ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)**


Nguyễn Văn Huy


Vũ Trọng Đại

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1527 - 6012 /KQPT/2023



Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Đầu tư CM**
 Địa chỉ : **Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.**
Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở
 Địa điểm quan trắc : **Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, P. Hùng Vương, Q. Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**
 Loại mẫu : **Bùn thải** Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : **BT.230706.08**
 Ngày lấy mẫu : **06/07/2023** Thời gian phân tích: 06/07/2023-27/07/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 50:2013/BTNMT (H _{tc} , T=0,712) pH ≥ 12,5 hoặc pH ≤ 2,0
				BT-PS	
1.	pH	-	US EPA Method 9040.C + US EPA Method 9045.D	6,2	
2.	Tổng Xyanua (CN-)	mg/Kg	US.EPA Method 9013.A + US.EPA Method 9010.C + US.EPA Method 9014	KPH (MDL=0,3)	428,576
3.	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/Kg	US.EPA Method 3060.A + US.EPA Method 7196.A	KPH (MDL=2,5)	72,64
4.	Kẽm (Zn)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7000.B	16,4	3.632
5.	Niken (Ni)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7000.B	12,4	1.016,96
6.	Chì (Pb)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	13,5	217,92
7.	Cadimi (Cd)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	2,7	7,264
8.	Coban (Co)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	0,4	1.162,24
9.	Asen (As)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7062	3,4	29,056
10.	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7471.B	0,8	2,9056
11.	Selen (Se)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7062	7,4	14,528
12.	Tổng dầu, mỡ*	mg/Kg	US EPA Method 9071B	29,19	726,4
13.	Phenol*	mg/Kg	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041	<0,005	14.528
14.	Benzen*	mg/Kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D	<0,001	7.264
15.	Ba*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	7,78	114,0448
16.	Ag*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	0,04	5,70224

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 – 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
BT-PS	Mẫu bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	2308633	0592671

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 50:2013/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải

H_{tc}: Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối: ngưỡng nguy hại của bùn thải tính theo hàm lượng tuyệt đối:

$$H_{tc} (ppm) = H.(1+19.T)/20$$

+ H (ppm) là giá trị Hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong Bảng 1 của Quy chuẩn.

+ T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu (T=0,712).

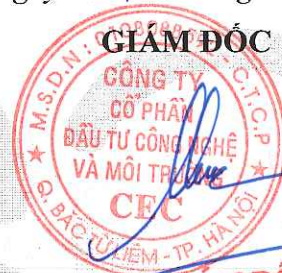
- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường – Vimcerts 079.

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Huy



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04175/2023/PKQ (1853.02S2307.37)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC
Địa chỉ : LB06 đường Tiên Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm,
thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Bùn thải
Tình trạng mẫu : Nguyên khai
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 07/07/2023
Thời gian thử nghiệm : 07/07/2023 - 27/07/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				02S2307.37
1.	Bari (Ba)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	7,78
2.	Bạc (Ag)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	0,04
3.	Tổng Dầu	mg/kg	US EPA Method 9071B	29,19
4.	Phenol	mg/kg	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041	<0,005
5.	Benzen	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D	<0,001

Ghi chú:

- 02S2307.37: BT.230706.08
- Mẫu do khách hàng mang đến.

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2023

PHÒNG PHÂN TÍCH
ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG

QA/QC



Nguyễn Thị Phố

Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Trần Điện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 08.7.1...../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi 9 giờ 30, ngày 08 tháng 07 năm 2023.

Tại: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Địa chỉ: Số 19 Trần Quang Khải, Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương - km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng

Ông (Bà): Nguyễn Thị Minh Bình Chức vụ: BS CKI

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Nguyễn Đức Cường Chức vụ: NV QT

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần Đầu tư CM

Ông (Bà): Vũ Trọng Đại Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Đẹp, không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	BT - PS2	Mẫu hỗn hợp tại hệ thống xử lý nước thải	
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

Nguyễn Trương Công

Đu Trọng Đại

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....1534.....- 6012...../KQPT/2023

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Bệnh viện Phụ Sản Hải Phòng - Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở
Địa điểm quan trắc : Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, P. Hùng Vương, Q. Hồng
Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Bùn thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : BT.230708.01
Ngày lấy mẫu : 08/07/2023 Thời gian phân tích: 08/07/2023-27/07/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 50:2013/BTNMT (H _{tc} , T=0,712)
				BT-PS2	
1.	pH	-	US EPA Method 9040.C + US EPA Method 9045.D	6,4	pH ≥ 12,5 hoặc pH ≤ 2,0
2.	Tổng Xyanua (CN-)	mg/Kg	US.EPA Method 9013.A + US.EPA Method 9010.C + US.EPA Method 9014	KPH (MDL=0,3)	428,576
3.	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/Kg	US.EPA Method 3060.A + US.EPA Method 7196.A	KPH (MDL=2,5)	72,64
4.	Kẽm (Zn)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7000.B	15,9	3.632
5.	Niken (Ni)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7000.B	11,9	1.016,96
6.	Chì (Pb)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	12,9	217,92
7.	Cadimi (Cd)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	2,9	7,264
8.	Coban (Co)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7010	<0,4 ^a	1.162,24
9.	Asen (As)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7062	3,3	29,056
10.	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7471.B	1,1	2,9056
11.	Selen (Se)	mg/Kg	ASTM D5198 - 09 + US.EPA Method 7062	7,1	14,528
12.	Tổng dầu, mỡ*	mg/Kg	US EPA Method 9071B	38,23	726,4
13.	Phenol*	mg/Kg	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041	<0,005	14.528
14.	Benzen*	mg/Kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D	<0,001	7.264
15.	Ba*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	7,37	114,0448
16.	Ag*	mg/Kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	<0,01	5,70224

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêg chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm – TP.Hà Nội.

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

VIMCERTS 230

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
BT-PS2	Mẫu bùn thải của hệ thống xử lý nước thải	2308633	0592671

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước thải

H_{tc} : Ngưỡng hàm lượng tuyệt đối: ngưỡng nguy hại của bùn thải tính theo hàm lượng tuyệt đối:

$$H_{tc} (ppm) = H.(1+19.T)/20$$

+ H (ppm) là giá trị Hàm lượng tuyệt đối cơ sở được quy định trong Bảng 1 của Quy chuẩn.

+ T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu ($T=0,712$).

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (*) Nhà thầu phụ: Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam – Viện Công nghệ Môi trường

- Vimcerts 079.

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC


Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04176/2023/PKQ (1886.02S2307.86)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC
Địa chỉ : LB06 đường Tiên Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm.
Loại mẫu : Bùn thải
Tình trạng mẫu : Nguyên khai
Số lượng mẫu : 1
Thời gian nhận mẫu : 10/07/2023
Thời gian thử nghiệm : 10/07/2023 - 27/07/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
				02S2307.86
1.	Bari (Ba)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	7,37
2.	Bạc (Ag)	mg/kg	US EPA Method 3051A + SMEWW 3125B:2017	<0,01
3.	Tổng Dầu	mg/kg	US EPA Method 9071B	38,23
4.	Phenol	mg/kg	US EPA Method 3550C + US EPA Method 8041	<0,005
5.	Benzen	mg/kg	US EPA Method 5021A + US EPA Method 8270D	<0,001

Ghi chú:

- 02S2307.86: BT.230708.01
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH
ĐỘC CHẤT MÔI TRƯỜNG

QA/QC

Hà Nội, ngày 27 tháng 07 năm 2023

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Phở

Nguyễn Thị Hương



Nguyễn Trần Điện

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Công nghệ môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...10.2.10../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi giờ....., ngày ...10.... tháng...02.... năm 2023.

Tại: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....

Địa chỉ: Số 19, Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Địa điểm quan trắc: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, có số...Hưng Vương... Km số 40, đường Hưng Vương, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:

Ông (Bà):..... Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): ...Nguyễn Văn Huy..... Chức vụ: ...Đội trưởng.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): ...Công ty Cổ phần Đầu tư CM.....

Ông (Bà): ...Vũ Trọng Đại..... Chức vụ: ...Nhân viên.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà):..... Chức vụ:

Ông (Bà):..... Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà):..... Chức vụ:

Ông (Bà):..... Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

...Thời tiết không mưa.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

...Cơ sở hoạt động bình thường.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT1-PS2	Nước thải trước xử lý của bệnh viện	
2.	NT2-PS2	Nước thải sau HTXL nước thải của bệnh	
3.		viện	
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

Huy
Nguyễn Văn Huy

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

Đ

Uỷ Trung Đại



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moituongcec.vn



VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 132...../KQPT/2023

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương - Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : NT.230210.20; NT.230210.21
Ngày lấy mẫu : 10/02/2023

Số lượng mẫu: 02

Thời gian phân tích: 10/02/2023-23/02/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A)	QCVN 14:2008/BTNMT Cmax(Cột A)
				NT1-PS2	NT2-PS2		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,58	7,05	6,5 - 8,5	5 - 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	869	385	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	217	23	30	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	560	45	50	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	354	31	50	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	21,62	3,75	5	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ .B&E:2017	7,14	5,69	30	36
8.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P)	mg/L	TCVN 6202:2008	12,25	1,51	6	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	2,41	0,17	1,0	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	11,6	2,3	10	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH(MDL=0,02)	KPH(MDL=0,02)	0,1	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	1,0	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	12,4	0,76	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	11.000	2.700	3.000	3.000

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêm cấm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU TỤ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999
Website: moitruongcec.vn

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 28:2010/BTNMT (Cột A)	QCVN 14:2008/BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT1-PS2	NT2-PS2		
15.	Salmonella*	Vị khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	KPH	-
16.	Shigella*		SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*		SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	KPH	-

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT1-PS2	Nước thải trước xử lý của bệnh viện	2308690	0592701
NT2-PS2	Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải của bệnh viện	2308674	0592680

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế
Cột A: Quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} là nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn nước tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

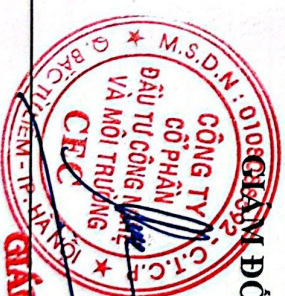
- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 23... tháng 02... năm 2023

TRƯỜNG PHÒNG

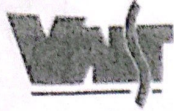
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêm cấm chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03



Số: 00324/2023/PKQ (NT2302.0040)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
Địa chỉ : Lô B06, đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải - Ngày nhận mẫu: 13/02/2023
Tên mẫu thử nghiệm : 625.NT001/NT.230210.20

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU THỬ NGHIỆM VÀ PHÂN TÍCH TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Thị Hạnh Nguyễn Thị Thanh Thúy

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



Số: 00325/2023/PKQ (NT2302.0041)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. THÔNG TIN CHUNG

Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
Địa chỉ : Lô B06, đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải - Ngày nhận mẫu: 13/02/2023
Tên mẫu thử nghiệm : 625.NT002/ NT.230210.21

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

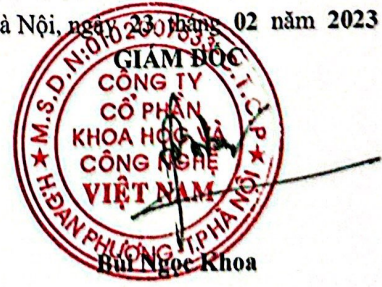
- KPH: Không phát hiện.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Trịnh Thị Hạnh
Nguyễn Thị Thanh Thủy

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2023



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...09.5.4.../2023/BBLM

Hôm nay, vào hồi giờ....., ngày ...09... tháng...05.... năm 2023.

Tại: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....

Địa chỉ: ...Số 19 Trần Quang Khải, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.....

Địa điểm quan trắc: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, xã Hùng Vương - Km số 40 đường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.....

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....

Ông (Bà): ...Nguyễn Thị Minh Bình..... Chức vụ:

Ông (Bà):..... Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): ...Nguyễn Văn Huy..... Chức vụ: ...Đội trưởng.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): ...Công ty Cổ phần đầu tư CM.....

Ông (Bà): ...Vũ Trọng Đại..... Chức vụ: ...NV.....

Ông (Bà):..... Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà):..... Chức vụ:

Ông (Bà):..... Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà):..... Chức vụ:

Ông (Bà):..... Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....Tốt, không mưa.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....Cơ sở hoạt động bình thường.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	K1-PS2	Khu vực trong bệnh viện	
2.	K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải	
3.	K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu	
4.		vực lân cận số 1	
5.	K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu	
6.		vực lân cận số 2	
7.	K5-PS2	Khu vực phòng Xquang	
8.	K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m	
9.	K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m	
10.	NT-PS2	Nước thải tại vị trí xả nước thải sau xử	
11.		lý của bệnh viện	
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lặp. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

Viễn Tiến Đại

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L177-6012/KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KLV.230509.11; KLV.230509.12
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				K1-PS2	K2-PS2	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2012/BTNMT	29,0	29,5	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%RH		77,3	77,1	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,6	0,7	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,1	56,3	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,15	0,17	8 ⁽³⁾
6	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704.A	0,16	0,18	10
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,11	0,13	10
8	CO ₂	mg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	9.600	630	18.000 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS2	Khu vực trong bệnh viện;	2308579	0592651
K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải.	2308612	0592676

- Quy chuẩn so sánh:

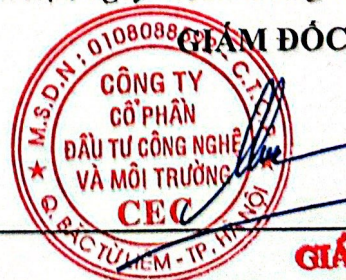
- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + ⁽⁴⁾QĐ3733:2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC



- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999
Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 873 - 6012 / KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.230509.13; KXQ.230509.14.
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/ BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	28,4	27,0	-
2.	Độ ẩm	%RH		76,1	74,5	-
3.	Tốc độ gió	m/s		0,4	0,4	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,1	54,0	70 ⁽¹⁾
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	TCVN 5067:1995	72	84	300
6.	SO ₂	µg/m ³	MASA Method 704.A	<140 ^a	<140 ^a	350
7.	NO ₂	µg/m ³	TCVN 6137:2009	48	53	200

Ghi chú:**- Thông tin mẫu:**

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 25 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: L.177.1.....6012/KQPT/2023

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.230509.13; KXQ.230509.14.
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2013/BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1	CO ₂ [#]	µg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	612.000	610.000	-

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

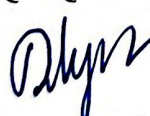
- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

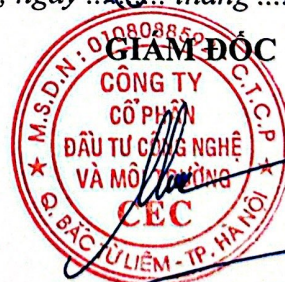
- (#): Kết quả chỉ mang tính tham khảo. Thông số thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và không được quy định tại thông tư 10:2021/TT-BTNMT.

Hà Nội, ngày 25 tháng 5 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

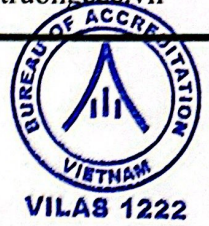


Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: ...L177.2 - 6012.../KQPT/2023

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03
Mã mẫu : KLV.230509.15; KLV.230509.16; KLV.230509.17.
Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 29:2016/BYT
				K5-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	1,02	10 ⁽¹⁾

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K6-PS2	K7-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,14	0,11	0,5 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K5-PS2	Khu vực phòng Xquang;	2308593	0592674
K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m;	2308603	0592675
K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m.	2308587	0592673

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 29:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bức xạ ion hóa - giới hạn liều tiếp xúc bức xạ ion hóa tại nơi làm việc.

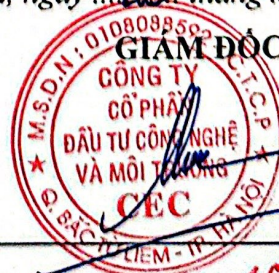
(1): Trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ

(2): Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận)

Hà Nội, ngày ...25 tháng ...5 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

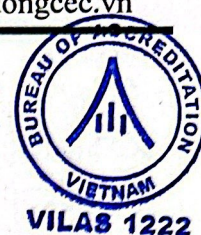
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 874-6012 /KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
 Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.230509.18
 Ngày lấy mẫu : 09/05/2023 Thời gian phân tích: 09/05/2023-25/05/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS2		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,62	6,5 – 8,5	5 – 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	390	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	7	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	13	60	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	32	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	<0,13 ^a	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	1,74	36	36
8.	Phosphat(PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,28	7,2	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	<0,13 ^a	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	<0,07 ^a	0,12	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	<0,7 ^a	1,2	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,12	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	1.100	3.000	3.000
15.	Salmonella*	VK/100mL	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	-
16.	Shigella*		SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*		SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	-

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiên cứu chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
 CEC.BM 7.8.03

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00990/2023/PKQ (23.444)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777

Email: vnst@vnst-jsc.vn

Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
- Địa chỉ : Lô B06, đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Ngày nhận mẫu: : 10/05/2023
- Thông tin về các mẫu :

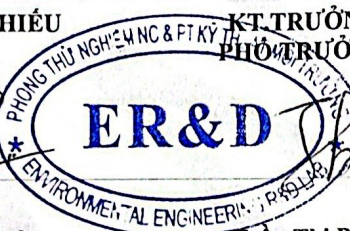
TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2305.0031	625.NT001/NT.230509.18	Nước thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

Trinh Thị Hạnh



KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG

Trần Thị Phương Hoa



Lý Hồng Quân



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2305.0031)

625.NT001/NT.230509.18

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...22.8.1.../2023/BBLM



Hôm nay, vào hồi giờ ngày ...23... tháng ...01... năm 2023.

Tại: ...Điểm T.Y. cũ... Phu sản Hải Phòng

Địa chỉ: ...Số 19 Trần Quang Khải, phường Hàng Văn Thụ, quận
Tống Bàng, thành phố Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: ...Bệnh viện Phu sản Hải Phòng số 1 Hùng Vương - Km số 40
Hùng Vương, quận Tống Bàng, thành phố Hải Phòng

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: ...bệnh viện Phu sản Hải Phòng

Ông (Bà): ...Nguyễn Thị Minh Bình... Chức vụ: ...T.K. - K.S.N.K

Ông (Bà): Chức vụ:

**2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG
NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC**

Ông (Bà): ...Nguyễn Văn Huy... Chức vụ: ...Đ.T.T

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): ...Công ty Cổ phần đầu tư CM

Ông (Bà): ...Vũ Trọng Đại... Chức vụ: ...NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... Trời không mưa

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

..... hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đặc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT-PS2	Nước thải tại vị trí của xả sau xử lý của bệnh viện	
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☐ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đặc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Nguyễn TC, Nguyễn Bm

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

Nguyễn Văn Huy

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

Uu Tung Đại



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1927-6012/KQPT/2023



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
 Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
 Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.230823.01
 Ngày lấy mẫu : 23/08/2023 Thời gian phân tích: 23/08/2023 – 08/09/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS2		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,42	5-9	6,5 – 8,5
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	310	600	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	16	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	27	-	60
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	40	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	KPH (MDL=0,04)	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	1,78	36	36
8.	Phosphat(PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,2	7,2	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	-	0,12
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	-	1,2
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	KPH (MDL=0,03)	6	
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.400	3.000	3.000
15.	Salmonella*	Vì	TCVN 9717:2013	KPH	-	KPH
16.	Shigella*	khuẩn/	SMEWW 9260E:2017	KPH	-	KPH
17.	Vibrio cholerae*	100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	-	KPH

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Villas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
 CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS2	Nước thải tại hố ga cuối của cơ sở	2308649	0592786

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max}: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 10 tháng 09 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Dinh Thị Tuyết

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

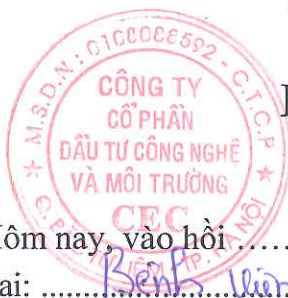
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số:04/11/2023/BBLM



Hôm nay, vào hồi giờ ngày ..04..... tháng ..11..... năm 2023.

Tại:Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....

Địa chỉ:Số 19 Trần Quang Khải, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.....

Địa điểm quan trắc:Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng - Km 40 đường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.....

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU:Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng.....

Ông (Bà):Nguyễn Thị Minh Bình..... Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà):Nguyễn Văn Huy..... Chức vụ:ĐQT.....

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ):Công ty cổ phần đầu tư CN.....

Ông (Bà):Đỗ Trọng Đại..... Chức vụ:NV.....

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà):/..... Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà):/..... Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....Trời không mưa.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

.....Hoạt động bình thường.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	K1-PS2	Khu vực tổng bệnh viện	
2.	K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải	
3.	K3-PS2	Khống thí nghiệm hàng rào bệnh viện	
4.		Khu vực lân cận số 1	
5.	K4-PS2	Khống thí nghiệm hàng rào bệnh viện	
6.		Khu vực lân cận số 2	
7.	K5-PS2	Khu vực phòng X-quang	
8.	K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m	
9.	K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m	
10.	NT-PS2	Nước thải tại vị trí xả nước thải sau	
11.		xử lý của bệnh viện	
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lắp. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

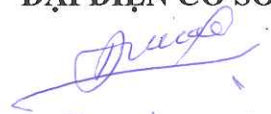
Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


Nguyễn Thị Ngọc Bình

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU


Nguyễn Văn Huy

ĐẠI DIỆN NHÀ
THẦU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)


Chi Trung Đại

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1547 - 6012 /KQPT/2023

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KLV.231104.01; KLV.231104.02.
Ngày lấy mẫu : 04/11/2023 Thời gian phân tích: 04/11/2023-13/11/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				K1-PS2	K2-PS2	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	QCVN 46:2012/BTNMT	28,6	28,8	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%RH		60,2	58,1	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,6	0,4	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,3	55,0	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,16	0,18	8 ⁽³⁾
6	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704.A	0,17	0,12	10
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,19	0,12	10
8	CO ₂	mg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	9.500	650	18.000 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS2	Khu vực trong bệnh viện;	2308579	0592651
K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải.	2308612	0592676

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + ⁽⁴⁾QĐ3733:2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....2631 - 6012...../KQPT/2023

Tên khách hàng : **Công ty Cổ phần Đầu tư CM**
Địa chỉ : **Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.**
Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**
Loại mẫu : **Không khí** Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : **KXQ.231104.03; KXQ.231104.04.**
Ngày lấy mẫu : **04/11/2023** Thời gian phân tích: 04/11/2023-13/11/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	QCVN 46:2012/BTNMT	29,4	29,6	-
2.	Độ ẩm	%RH		63,1	63,2	-
3.	Tốc độ gió	m/s		1,1	0,8	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	55,5	54,7	70 ⁽¹⁾
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	TCVN 5067:1995	77	80	300
6.	SO ₂	$\mu g/Nm^3$	MASA Method 704.A	<140 ^a	<140 ^a	350
7.	NO ₂	$\mu g/Nm^3$	TCVN 6137:2009	55	56	200

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày ...13... tháng ...11... năm 2023

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1548-6012/KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.231104.03; KXQ.231104.04.
Ngày lấy mẫu : 04/11/2023 Thời gian phân tích: 04/11/2023-13/11/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1	CO ₂ [#]	µg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	580.000	583.000	-

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 01 giờ).
- (#): Kết quả chỉ mang tính tham khảo. Thông số thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và không được quy định tại thông tư 10:2021/TT-BTNMT.

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC


Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Văn Hùng

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1549-6012 /KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 04/11/2023 Thời gian phân tích: 04/11/2023-13/11/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 29:2016/BYT
				K5-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,280	10 ⁽¹⁾

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K6-PS2	K7-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,266	0,240	0,5 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K5-PS2	Khu vực phòng Xquang;	2308593	0592674
K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m;	2308603	0592675
K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m.	2308587	0592673

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 29:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bức xạ ion hóa - giới hạn liều tiếp xúc bức xạ ion hóa tại nơi làm việc.

(1): Trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ

(2): Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....2632 - 6012...../KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.231104.05
Ngày lấy mẫu : 04/11/2023 Thời gian phân tích: 04/11/2023-13/11/2023

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS2		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,55	6,5 – 8,5	5 – 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	406	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	18	60	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	35	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,26	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	2,29	36	36
8.	Phosphat(PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,34	7,2	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,12	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	1,2	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,14	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.300	3.000	3.000
15.	Salmonella*	Vi	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	-
16.	Shigella*	khuẩn/	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*	100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	-

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS2	Nước thải tại vị trí xả nước thải sau xử lý của bệnh viện	2308649	0592786

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 28:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max}: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày ...13... tháng ...11... năm 2023

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC



Đinh Thị Tuyết

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01890/2023/PKQ (23.1174)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTS L2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024 22463777

Email: vnst@vnst-jsc.vn

Web: vnst-jsc.vn



1. Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
2. Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
3. Địa chỉ : Lô B06, đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
4. Ngày nhận mẫu : 06/11/2023
5. Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2311.0025	625.NT001/NT.231104.05	Nước thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

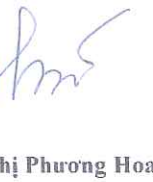
NGƯỜI LẬP PHIẾU

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Thu Trang


Trần Thị Phương Hoa


Lý Hồng Quân

1. Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
4. Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2311.0025)

625.NT001/NT.231104.05

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.

1. Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);

2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;

3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

4. Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;

5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...1.2.k.../2024/BBLM



Hôm nay, vào hồi ...8... giờ ...00... ngày ...01... tháng ...02... năm 2024.

Tại: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng...

Địa chỉ: ...Số 19 Trần Quang Khải, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng...

Địa điểm quan trắc: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, Chi sở Hùng Vương - Km 5, 40 đường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng...

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng, Chi sở Hùng Vương...

Ông (Bà): ...Nguyễn Thị Minh Bình... Chức vụ: ...Bác sĩ CKI...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): ...Nguyễn Văn Huy... Chức vụ: ...ĐT&T...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): ...Công ty CP môi trường CM...

Ông (Bà): ...Lê Trọng Đạt... Chức vụ: ...NV...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ): ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ): ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

...Trời không mưa...

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

...Hoạt động bình thường...

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT-PS	Nước thải tại hồ ga Quối Quố Qố Qố	
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

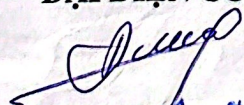
Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có.

☐ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

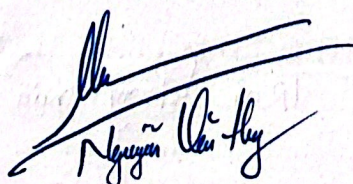


BẮC SĨ CKI

Nguyễn Thị Minh Bình

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

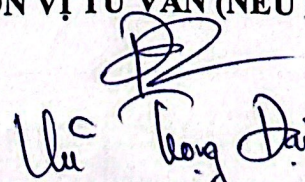
ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU



Nguyễn Văn Hùng

ĐẠI DIỆN NHÀ
THÀU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)



Trương Đại



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 145 - 7007 / KQPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần đầu tư CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường Hùng Vương, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.240201.18
Ngày lấy mẫu : 01/02/2024 Thời gian phân tích: 01/02/2024-21/02/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,25	5-9	6,5 – 8,5
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	386	600	-
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	23	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	42	-	60
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	29	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ - N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	3,21	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	3,15	36	36
8.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ - P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,63	7,2	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	KPH (MDL=0,04)	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,1	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	-	0,12
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	-	1,2
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,74	6	-
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	3.000	3.000
15.	Salmonella	Vi	TCVN 9717:2013	KPH	-	KPH
16.	Shigella	khuẩn/	SMEWW 9260E:2017	KPH	-	KPH
17.	Vibrio cholerae	100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	-	KPH

Ghi chú:

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS	Nước thải tại hố ga cuối của cơ sở	2308649.864	0592786.262

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 28:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max}: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt;

Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max}: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 28/08/2024 tháng 02 năm 2024

**TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC**



Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)**

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00145/2024/PKQ (24.102)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTS1.2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777

Email: vnst@vnst-jsc.vn

Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
- Địa chỉ : Lô B06, đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Ngày nhận mẫu : 02/02/2024
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2402.0016	625.NT001/NT.240201.18	Nước thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

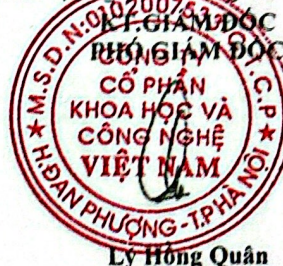
TRƯỞNG PHÒNG



Trịnh Thị Hạnh

Trần Thị Phương Hoa

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024



Lý Hồng Quân



1. Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);

2. Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;

3. Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

4. Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;

5. Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2402.0016)

625.NT001/NT.240201.18

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức, khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

Shr



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 22.05.3.../2024/BBLM

Hôm nay, vào hồi giờ ngày 22 tháng 05 năm 2024.

Tại: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng Cổ sở Hùng Vương

Địa chỉ: Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Địa điểm quan trắc: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng Cổ sở Hùng Vương

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng Cổ sở Hùng Vương

Ông (Bà): Nguyễn Thị Minh Bình Chức vụ: Bác sĩ C&I

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Trình Hữu Nghĩa Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần Đầu tư CM

Ông (Bà): Đỗ Trọng Đại Chức vụ: NV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Trời trong nắng

.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Hoạt động bình thường

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	K1-PS2	Khu vực trung bình liên	X=2308661 (m) Y=592661 (m)
2.	K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải	X=2308688 (m) Y=592706 (m)
3.	K3-PS2	Khống thí ngoại hàng rào bệnh viện khu	X=2308641 (m) Y=592626 (m)
4.		lưu lại căn số 1	
5.	K4-PS2	Khống thí ngoại hàng rào bệnh viện khu	X=2308654 (m) Y=592745 (m)
6.		lưu lại căn số 2	
7.	K5-PS2	Khu vực phòng X-quang	X=2308671 (m) Y=592666 (m)
8.	K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m	X=2308667 (m) Y=592669 (m)
9.	K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m	X=2308661 (m) Y=592661 (m)
10.	NT-PS2	Nước thải từ vệ sinh xả nước thải sau	X=2308649 (m) Y=592786 (m)
11.		Xử lý của bệnh viện	
12.			
13.			
14.			
15.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☒ Mẫu lập. ☒ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có.

☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên. Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

Nguyễn Thị Minh Bình
BÁC SĨ CKI

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU

Nguyễn
Trần Hữu Nghĩa

ĐẠI DIỆN NHÀ
THÀU PHỤ (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)

Uỷ Trạng Đại



PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....1198-7007...../KQPT/2024

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KLV.240522.15; KLV.240522.16.
Ngày lấy mẫu : 22/05/2024 Thời gian phân tích: 22/05/2024-07/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				K1-PS2	K2-PS2	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	QCVN 46:2012/BTNMT	31,2	31,8	18-32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%RH		72,8	73,7	40-80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		0,5	0,5	0,2-1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	61,5	64,8	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,12	0,18	8 ⁽³⁾
6	SO ₂	mg/m ³	MASA Method 704.A	0,28	0,27	10
7	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,18	0,18	10
8	CO ₂	mg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	9.650	750	18.000 ⁽⁴⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS2	Khu vực trong bệnh viện;	2308661	0592661
K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải.	2308688	0592706

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- + ⁽⁴⁾QĐ3733:2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1054-1007/KQPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.240522.17; KXQ.240522.18.
Ngày lấy mẫu : 22/05/2024 Thời gian phân tích: 22/05/2024-07/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/ BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1.	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2012/BTNMT	33,1	32,5	-
2.	Độ ẩm	%RH		76,1	74,5	-
3.	Tốc độ gió	m/s		0,7	0,8	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,5	61,2	70 ⁽¹⁾
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	66	68	300
6.	SO ₂	µg/Nm ³	MASA Method 704.A	<140 ^a	<140 ^a	350
7.	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	59	55	200

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 01 giờ).

+ ⁽¹⁾QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- “a”: Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hưu

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



7211/BC-SYT
7210/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000/ 0985.542.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....1199 - 7007/KQPT/2023



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Ngày lấy mẫu : 22/05/2024 Thời gian phân tích: 22/05/2024-07/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				K3-PS2	K4-PS2
1	CO ₂ [#]	µg/m ³	CEC/SOP/HT-KK100A	590.000	585.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1;	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2.	2308654	0592745

- “#”: Kết quả chỉ mang tính tham khảo. Thông số thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và không được quy định tại thông tư 10:2021/TT-BTNMT.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.



Environment Together

7211/BC-SYT
7210/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: (024).73.087.000/ 0985.542.999
Website: moitruongcec.vn



VILAS 1222

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....1.200 - 7007...../KOPT/2024

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 22/05/2024 Thời gian phân tích: 22/05/2024-07/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 29:2016/BYT
				K5-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,314	10 ⁽¹⁾

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K6-PS2	K7-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,256	0,178	0,5 ⁽²⁾

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K5-PS2	Khu vực phòng Xquang;	2308671	0592666
K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m;	2308667	0592664
K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m.	2308661	0592661

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 29:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bức xạ ion hóa - giới hạn liều tiếp xúc bức xạ ion hóa tại nơi làm việc.

(1): Trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ

(2): Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận)

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 7210/SYT-NVY và báo cáo số 7211/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu:.....1055 - 7007...../KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
 Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.240522.22
 Ngày lấy mẫu : 22/05/2024 Thời gian phân tích: 22/05/2024-07/06/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS2		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	7,42	6,5 – 8,5	5 – 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	389	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	24	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	48	60	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	41	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,09	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ .B&E:2017	2,86	36	36
8.	Phosphat (PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,63	7,2	7,2
9.	Sulfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	0,17	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,12	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	1,2	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,13	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	3.000	3.000
15.	Salmonella*	Vi	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	-
16.	Shigella*	khuẩn/100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*	100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	-

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
 CEC.BM 7.8.03



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

ĐT: (024).73.087.000 - 0985.542.999

Website: moitruongcec.vn

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS2	Nước thải tại vị trí xả nước thải sau xử lý của bệnh viện	2308649	0592786

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} : Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số $K=1,2$.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

C_{max} : Nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số $K=1,2$.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- "KPH": Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 08 tháng 06 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

(Signature)

Đinh Thị Tuyết



GIÁM ĐỐC

(Signature)

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghi ngờ chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 – VIMCERTS 121)
Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 00830/2024/PKQ (24.566)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 – VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTSL2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
- Địa chỉ : Lô B06, đường Tiền Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Ngày nhận mẫu : 29/05/2024
- Thông tin về các mẫu :



TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
----	------------	---------	----------

1	NT2405.0193	625.NT001/NT.240522.22	Nước thải
---	-------------	------------------------	-----------

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày 06 tháng 06 năm 2024



Trịnh Thị Hạnh

Trần Thị Phương Hoa



Lý Hồng Quân



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

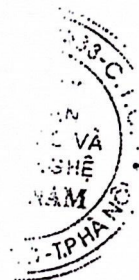
(Mã hóa mẫu: NT2405.0193)

625.NT001/NT.240522.22

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

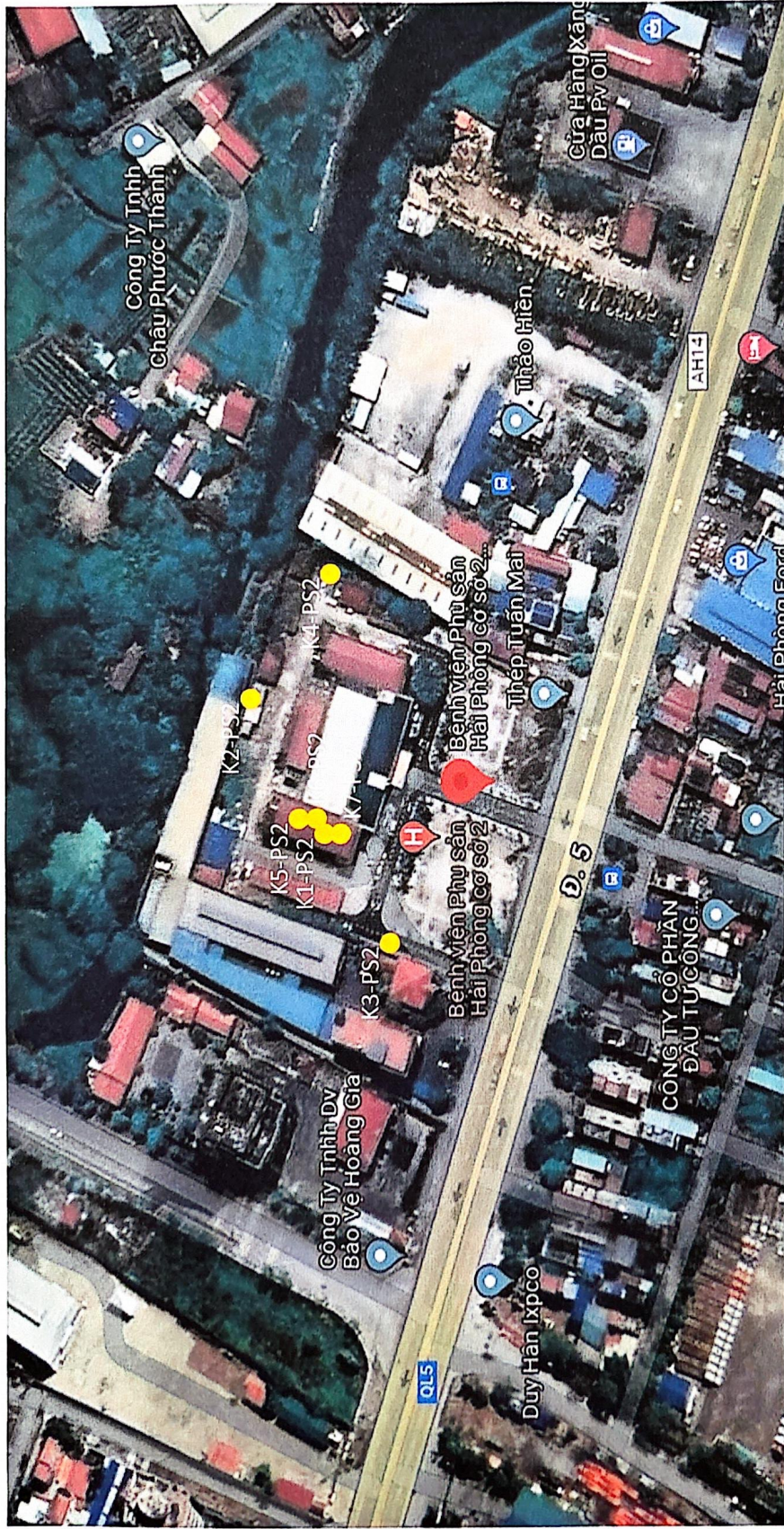
- KPH: Không phát hiện.



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

Signature

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU



Ghi chú:

Ngày lấy mẫu: 22/5/2024.

Điều kiện thời tiết: Trời không mưa, có gió nhẹ.

Vị trí lấy mẫu:

K1-PS2: Khu vực trong bệnh viện

K2-PS2: Khu vực xử lý chất thải

K3-PS2: Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1

K4-PS2: Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2

K5-PS2: Khu vực phòng Xquang

K6-PS2: Khu vực lân cận cách 20m

K7-PS2: Khu vực lân cận cách 50m

NT-PS2: Nước thải tại vị trí cửa xả nước thải sau xử lý của bệnh viện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: 30.06.2.../2024/BBLM

Hôm nay, vào hồi giờ....., ngày 30 tháng 06 năm 2024.

Tại: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Số 19 Trần Quang Khải, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Địa điểm quan trắc: Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương - Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: BỆNH VIỆN PHỤ SẢN HẢI PHÒNG

Ông (Bà): Nguyễn Thị Minh Bình Chức vụ: Bác Sĩ CCT

Ông (Bà): Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): Nguyễn Văn Huy Chức vụ: Đại diện

Ông (Bà): Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): Công ty Cổ phần Đầu tư CM

Ông (Bà): Đào Văn Công Chức vụ: NIV

Ông (Bà): Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THÀU PHỤ (NẾU CÓ):

.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ):

.....

Ông (Bà): Chức vụ:

Ông (Bà): Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

1 Rơi không mưa

.....

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Thao công bình thường

.....

8. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đặc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	KT-PS2	Khí thải tại lò hơi	X = 2308644 Y = 0592690
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☐ Mẫu lập. ☐ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

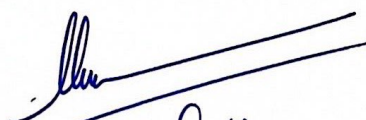
Nội dung đo đặc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


BÁC SĨ CKI
Nguyễn Thị Minh Bình

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**


Nguyễn Văn Hùng

**ĐẠI DIỆN NHÀ
THÀU PHỤ (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)**


Đào Văn Công



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiên Phong – P.Phúc Diễn – Q.Bắc Từ Liêm - TP.Hà Nội.
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1809 - 7007 / KQPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương - Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu:
Mã mẫu : KT.240701.10
Ngày lấy mẫu : 30/06/2024 Thời gian phân tích: 01/07/2024-12/07/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT-PS2	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US.EPA Method 2	1.616	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	91	200
3.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	173	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	95	500
5.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	116	850

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-PS2	Khí thải lò hơi	2308644	0592690

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 13 tháng 07 năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG
QA/QC

Đinh Thị Tuyết



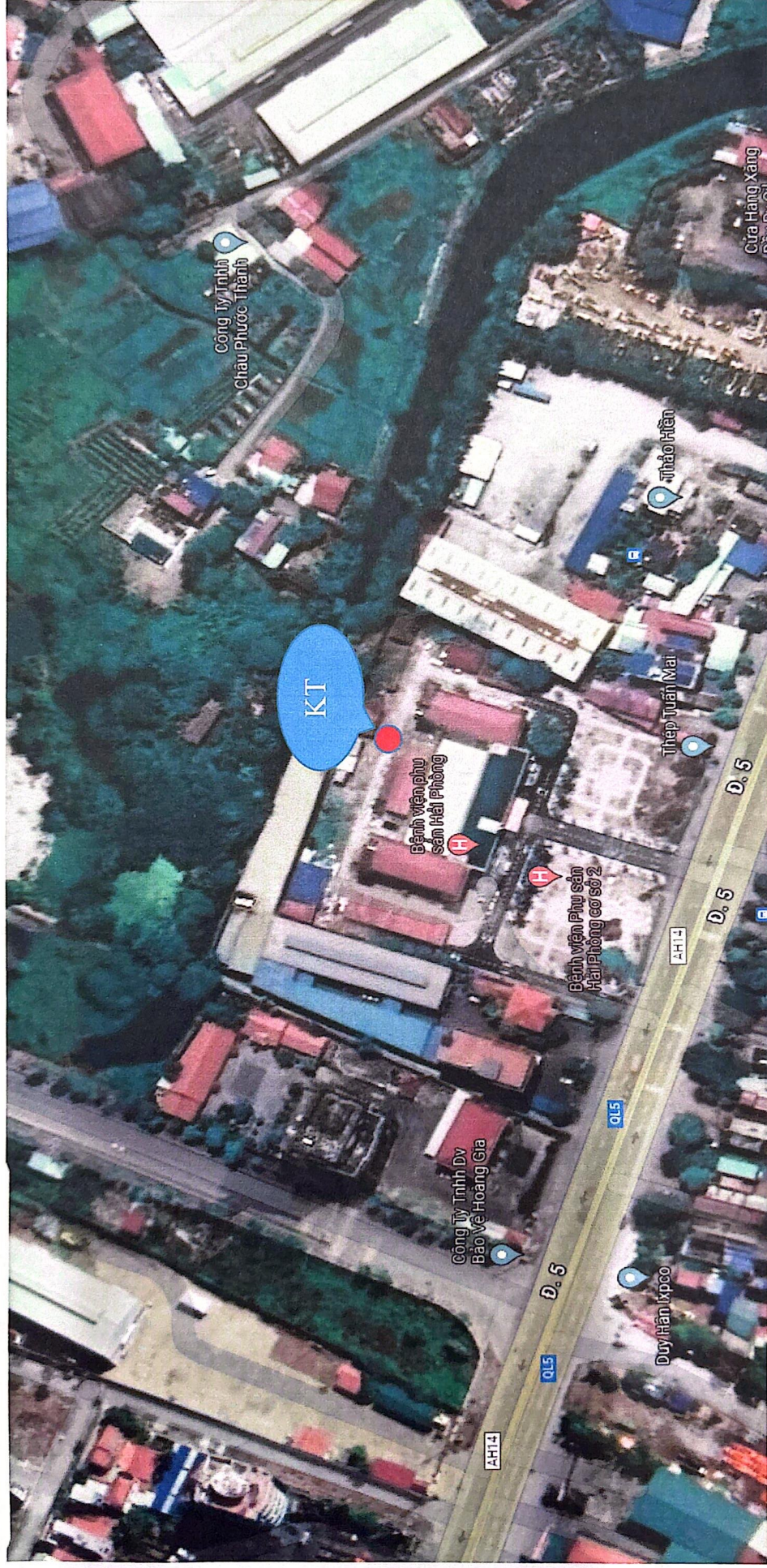
GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Huy

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

SƠ ĐỒ LẤY MẪU



Ghi chú:

Ngày lấy mẫu: 30/6/2024

Điều kiện thời tiết: Trời không mưa, có gió nhẹ

Vị trí lấy mẫu:

KT: Khí thải tại lò hơi



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Số: ...23.08.5.../2024/BBLM



Hôm nay, vào hồi ...11... giờ ...00... ngày ...23... tháng ...08... năm 2024.

Tại: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng...

Địa chỉ: ...Số 19 Tôn Quang Khải, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng...

Địa điểm quan trắc: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng Cơ sở Hùng Vương - Form số 40 Hùng Vương, Phường Hùng Vương, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng...

1. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ ĐƯỢC LẤY MẪU: ...Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng...

Ông (Bà): ...Ks. Huy Hoàng Nguyễn Thị Minh Linh... Chức vụ: ...nhân viên BS. CK I...

Ông (Bà): ...Khánh Văn Hoàng... Chức vụ: ...nhân viên...

2. ĐẠI DIỆN ĐOÀN ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG CEC

Ông (Bà): ...Vũ Huy Hoàng... Chức vụ: ...NV...

Ông (Bà): ...Phùng Văn Hoàng... Chức vụ: ...NV...

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ): ...Công ty CP đầu tư CM...

Ông (Bà): ...Đỗ Trọng Đức... Chức vụ: ...NV...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

4. ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU PHỤ (NẾU CÓ): ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

5. ĐẠI DIỆN ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ): ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Ông (Bà): ... Chức vụ: ...

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

6. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

...Trời không mưa...

7. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

...Hoạt động bình thường...

8. NỘI DUNG ĐO ĐẠC, LẤY MẪU

Stt	Kí hiệu	Vị trí đo đạc, lấy mẫu	Ghi chú
1.	NT-PS2	Nước thải tại Hồ ga Gối Gạo Cỏ Sỏi	X= 2308649, 864 Y= 0592786, 262
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			

9. TÌNH TRẠNG BẢO QUẢN VÀ NIÊM PHONG MẪU VẬT

Bảo quản lạnh và hóa chất theo TCVN hiện hành.

Kiểm soát chất lượng: ☒ Mẫu lập. ☒ MT thiết bị ☐ MT hiện trường ☐ MT vận chuyển

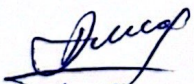
Các bên thống nhất tình trạng niêm phong mẫu: ☐ Có. ☒ Không

Ghi chú:

Nội dung đo đạc - lấy mẫu, thông số theo kế hoạch và yêu cầu đã được thống nhất giữa các bên.

Biên bản có sự chứng kiến, thống nhất nội dung là đúng sự thật và lập thành ... (0...) bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ một (01) bản.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ


BÁC SĨ CKI
Nguyễn Thị Minh Bình

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ LẤY MẪU**


Vũ Huy Hoàng

**ĐẠI DIỆN NHÀ
THÀU PHỤ (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN GIÁM SÁT (NẾU CÓ)**

**ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ TƯ VẤN (NẾU CÓ)**


Vũ Trọng Đại



Environment Together

VIMCERTS 230

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội

Điện thoại: 0877.614.999

Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2071-7007/KQPT/2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
 Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
 Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
 Mã mẫu : NT.240823.13
 Ngày lấy mẫu : 23/08/2024 Thời gian phân tích: 23/08/2024-06/09/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,72	6,5 – 8,5	5 – 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	559	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	28	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	48	60	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	50	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,05	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ .B&E:2017	5,82	36	36
8.	Phosphat(PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,12	7,2	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	0,16	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	<1 ^a	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,12	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	1,2	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,3	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.500	3.000	3.000
15.	Salmonella*	Vi	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	-
16.	Shigella*	khuẩn/	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*	100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	-

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 1

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS2	Nước thải tại hố ga cuối của cơ sở	2308649.864	0592786.262

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max} : Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số $K=1,2$.

+ QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

C_{max} : Nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số $K=1,2$.

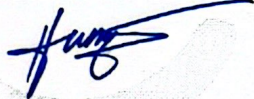
- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNSTP) – Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 09 tháng 09 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM



Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)
Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường (VILAS 772 - VIMCERTS 121)
Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTS L2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội
Tel: 024.22463777 Email: vnst@vnst-jsc.vn Web: vnst-jsc.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC
VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM (VNST)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01360/2024/PKQ (24.1004)

Phòng thử nghiệm Nghiên cứu & Phát triển Kỹ thuật Môi trường
(VILAS 772 - VIMCERTS 121)

Địa chỉ: Tòa nhà VNST, BTS L2-2 KĐT mới Tân Tây Đô, Xã Tân Lập,
Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội

Tel: 024.22463777

Email: vnst@vnst-jsc.vn

Web: vnst-jsc.vn



- Đơn vị thử nghiệm : Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam
- Đơn vị được thử nghiệm : Công ty Cổ phần đầu tư Công nghệ và Môi trường CEC
- Địa chỉ : Lô B06, đường Tiên Phong, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Ngày nhận mẫu : 26/08/2024
- Thông tin về các mẫu :

TT	Mã hóa mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	NT2408.0123	625.NT001/NT.240823.12	Nước thải
2	NT2408.0124	625.NT002/NT.240823.13	Nước thải

6. Thông tin về kết quả thử nghiệm: xem tiếp ở các trang tiếp theo.

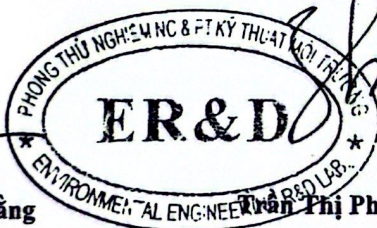
NGƯỜI LẬP PHIẾU

TRƯỞNG PHÒNG

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2024

KT. GIÁM ĐỐC

Hoàng Tú Hằng



Trần Thị Phương Hoa



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2408.0123)

625.NT001/NT.240823.12

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;
- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: NT2408.0124)

625.NT002/NT.240823.13

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả
1	Salmonella	Vi khuẩn/ 100mL	TCVN 9717:2013	KPH
2	Shigella	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH
3	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH

Ghi chú:

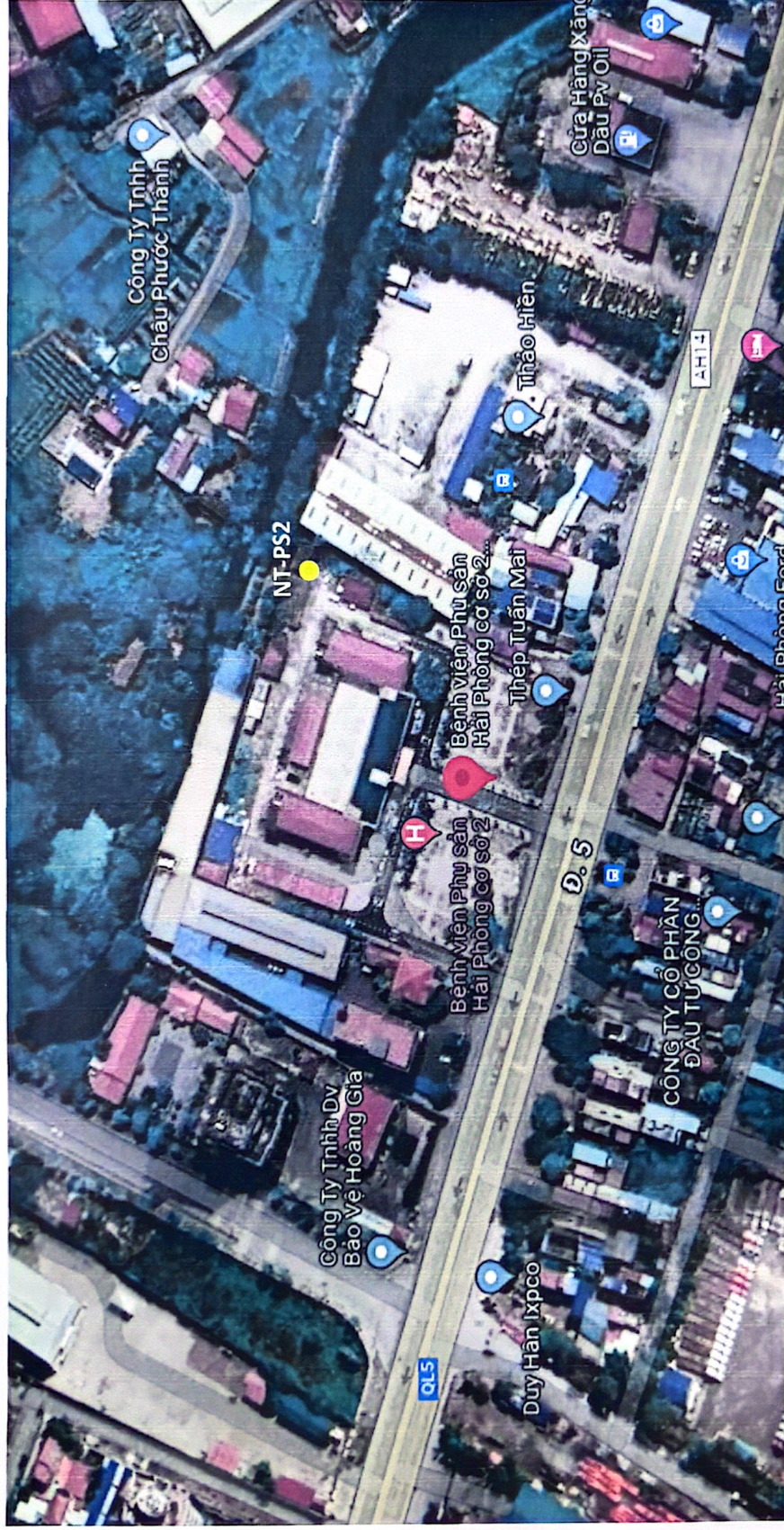
- KPH: Không phát hiện.



- Mẫu thử nghiệm là mẫu mà VNST chỉ chịu trách nhiệm thực hiện phân tích tại Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D);
- Kết quả thử nghiệm trong phiếu này thể hiện cho mẫu tại thời điểm phân tích;
- Thông tin về mẫu, khách hàng và ngưỡng giới hạn cho phép (nếu có) được ghi nhận theo yêu cầu của khách hàng;

- Thời gian lưu mẫu thử nghiệm là 14 ngày, kể từ ngày nhận mẫu hoặc mẫu được lưu theo thời gian đã thỏa thuận với khách hàng;
- Kết quả trong phiếu này không được sao chép dưới mọi hình thức khi chưa được sự đồng ý của "Phòng thử nghiệm Nghiên cứu và Phát triển kỹ thuật môi trường (ER&D)".

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ LẤY MẪU



Ghi chú:

Ngày lấy mẫu: 23/8/2024.

Điều kiện thời tiết: Trời không mưa, có gió nhẹ.

Vị trí lấy mẫu:

NT-PS2: Nước thải tại hố ga cuối của cơ sở



4754/BC-SYT
4681/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1514-7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương - Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KLV.241114.01; KLV.241114.02.
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 03:2019/BYT
				K1-PS2	K2-PS2	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}\text{C}$	TCVN 5508:2009/BYT + QCVN 26:2016/BYT	31,2	31,5	18 - 32 ⁽¹⁾
2	Độ ẩm	%RH		70,3	70,4	40 - 80 ⁽¹⁾
3	Tốc độ gió	m/s		1,2	1,3	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾
4	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	58,5	57,6	85 ⁽²⁾
5	Bụi toàn phần	mg/m ³	QCVN 02 :2019/BYT	0,23	0,26	8 ⁽³⁾
6	SO ₂	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,22	0,25	10
7	NO ₂	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	0,21	0,22	10
8	CO ₂	mg/m ³	CEC/SOP/HT-338	592	587	18.000

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K1-PS2	Khu vực trong bệnh viện	2308661	0592661
K2-PS2	Khu vực xử lý chất thải	2308688	0592706

- Quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc (Giới hạn tiếp xúc ngắn).
- + ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + ⁽³⁾QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2804-7007 /KQPT2024



VILAS 1222

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : NT.241114.05
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 28:2010/ BTNMT C _{max} (Cột A)	QCVN 14:2008/ BTNMT C _{max} (Cột A)
				NT-PS2		
1.	pH	-	TCVN 6492:2011	6,80	6,5 – 8,5	5 – 9
2.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	CEC/SOP/HT - 001	314	-	600
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	27	36	36
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220.C:2017	48	60	-
5.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	40	60	60
6.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	4,35	6	6
7.	Nitrat (NO ₃ ⁻ _N)	mg/L	SMEWW 4500.NO ₃ ⁻ .B&E:2017	4,13	36	36
8.	Phosphat(PO ₄ ³⁻ _P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,07	7,2	7,2
9.	Sunfua (S ²⁻)	mg/L	SMEWW 4500.S ²⁻ .B&D:2017	0,17	1,2	1,2
10.	Dầu, mỡ động thực vật	mg/L	SMEWW 5520.B&F:2017	1,1	12	12
11.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	TCVN 6053:2011	KPH (MDL=0,02)	0,12	-
12.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	TCVN 6219:2011	KPH (MDL=0,2)	1,2	-
13.	Chất hoạt động bề mặt	mg/L	TCVN 6622-1:2009	0,3	-	6
14.	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221.B:2017	2.700	3.000	3.000
15.	Salmonella*	Vi	TCVN 9717:2013	KPH	KPH	-
16.	Shigella*	khuẩn/100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH	-
17.	Vibrio cholerae*		SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH	-

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
NT-PS2	Nước thải tại hồ ga cuối của cơ sở	2308649.864	0592786.262

- Quy chuẩn so sánh:

+ **QCVN 28:2010/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế

Cột A quy định giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C_{max}: Giá trị tối đa cho phép của các thông số và các chất gây ô nhiễm trong nước thải y tế khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

+ **QCVN 14:2008/BTNMT:** Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt

Cột A quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột A1 và A2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt).

C_{max}: Nồng độ tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt khi thải ra nguồn tiếp nhận, cột A với hệ số K=1,2.

- “KPH”: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

- (*): Nhà thầu phụ: Công ty Cổ phần Khoa học và Công nghệ Việt Nam (VNST) Vimcerts 121.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- (*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
 - Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
 - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
 - Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng.
 - Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty



VIMCERTS 230

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2808-7007/KOPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 02
Mã mẫu : KXQ.241114.03; KXQ.241114.04.
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 05:2023/BTNMT
				K3-PS2	K4-PS2	
1.	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	QCV 46:2012/BTNMT	33,1	32,3	-
2.	Độ ẩm	%RH		72,5	73,2	-
3.	Tốc độ gió	m/s		1,4	1,3	-
4.	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,3	62,0	70 ⁽¹⁾
5.	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	$\mu g/Nm^3$	TCVN 5067:1995	56	59	300
6.	SO ₂	$\mu g/Nm^3$	MASA Method 704.A	<140 ^a	<140 ^a	350
7.	NO ₂	$\mu g/Nm^3$	TCVN 6137:2009	81	76	200

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2	2308654	0592745

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Trung bình 01 giờ)

+ ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn.

- "a": Kết quả phân tích thấp hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Linh

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 2812-7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Mã mẫu : KT.241114.06
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B)
				KT-PS2	
1.	Lưu lượng	m ³ /h	US.EPA Method 2	2.756	-
2.	Bụi (PM)	mg/Nm ³	US.EPA Method 5	58	200
3.	CO	mg/Nm ³	TCVN 7242:2003	158	1.000
4.	SO ₂	mg/Nm ³	US.EPA Method 8	92	500
5.	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	TCVN 7172:2002	114	850

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X (m)	Y (m)
KT-PS2	Khí thải lò hơi	2308684	0592716

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

Cột B: Quy định nồng độ C của bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với:

- Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp hoạt động kể từ ngày 16 tháng 01 năm 2007;

- Tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- (-): Không có quy định.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

(*) Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Thông số nghiêng chưa được chứng nhận Vilas.
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 05 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
CEC.BM 7.8.03



4754/BC-SYT
4681/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1516 - 7007 /KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng. **VILAS 1222**
Địa điểm quan trắc : **Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương** – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 29:2016/BYT
				K5-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,171	$10^{(1)}$

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích		QCVN 29:2016/BYT
				K6-PS2	K7-PS2	
1	Liều xuất bức xạ ion hóa	$\mu\text{Sv/h}$	QCVN 29:2016/BYT	0,175	0,233	$0,5^{(2)}$

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K5-PS2	Khu vực phòng Xquang	2308671	0592666
K6-PS2	Khu vực lân cận cách 20m	2308667	0592664
K7-PS2	Khu vực lân cận cách 50m	2308661	0592661

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 29:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bức xạ ion hóa - giới hạn liều tiếp xúc bức xạ ion hóa tại nơi làm việc.

(1): Trong phòng điều khiển hoặc nơi đặt tủ điều khiển của thiết bị phát bức xạ

(2): Các vị trí ngoài phòng đặt thiết bị (nơi công chúng đi lại, người ngồi chờ, các phòng làm việc lân cận)

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).
- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng
- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty
- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động
CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 01



4754/BC-SYT
4681/SYT-NVY

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG CEC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Lô B06 Tiền Phong - P. Phúc Diễn - Q. Bắc Từ Liêm - TP. Hà Nội.
ĐT: 0877.614.999 Website: moitruongcec.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Số phiếu: 1515-7007 / KQPT/2024



Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Đầu tư CM
Địa chỉ : Số 6/5/348 Trần Nguyên Hãn, Niệm Nghĩa, Lê Chân, Hải Phòng.
Địa điểm quan trắc : Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng cơ sở Hùng Vương – Km số 40 đường 5 mới, phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí Số lượng mẫu: 03
Ngày lấy mẫu : 14/11/2024 Thời gian phân tích: 14/11/2024 – 29/11/2024

Stt	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	
				K3-PS2	K4-PS2
1	CO ₂ [#]	mg/m ³	CEC/SOP/HT-338	540	531

Ghi chú:

- Thông tin mẫu:

Ký hiệu	Tên mẫu/Vị trí lấy mẫu	Tọa độ	
		X(m)	Y(m)
K3-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 1	2308641	0592626
K4-PS2	Không khí ngoài hàng rào bệnh viện khu vực lân cận số 2	2308654	0592745

- “#”: Kết quả chỉ mang tính tham khảo. Thông số thực hiện theo yêu cầu của khách hàng và không được quy định tại thông tư 10:2021/TT-BTNMT.

- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng sử dụng các phương pháp được công nhận tại văn bản số 4681/SYT-NVY và 4754/BC-SYT của Sở y tế thành phố Hà Nội ngày 25/09/2024 về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2024

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Nguyễn Văn Hưng



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Linh

- Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ (*).

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm.

- Mẫu thử được lưu tại công ty trong thời hạn 5 ngày sau khi trả kết quả cho khách hàng

- Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý của Công ty

- Các phương pháp quan trắc, phân tích được thực hiện theo văn bản số 4681/SYT-NVY và báo cáo số 4754/BC-SYT về việc công bố đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động.

CEC.BM 7.8.03

Lần ban hành: 03

Trang: 01